

Số: 40/CBTT-BSGHN

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2023

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty cổ phần Bia Sài Gòn – Hà Nội thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) năm 2022 đã được kiểm toán với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – HÀ NỘI

- Mã chứng khoán: BSH
- Địa chỉ: A2CN8 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, Phương Canh, Nam Từ Liêm, Hà Nội.
- Điện thoại liên hệ/Tel(+84).4. 3765 3338 Fax: (+84).4.3 765 3336
- Email: info@sabecohanoi.com.vn Website: www.sabecohanoi.com.vn.

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC năm 2022 đã được kiểm toán;

BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc):

BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con):

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2022):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2022):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không



Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 18/03/2023 tại đường dẫn: <http://www.sabecohanoi.com.vn/tin-co-dong/thong-tin-co-dong.html>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Tài liệu đính kèm:

- BCTC Năm 2022
- Văn bản giải trình

Đại diện tổ chức
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
CÔNG BỐ THÔNG TIN
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



VƯƠNG THỪA ĐẠI





Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội

**Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2022**



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận 0102314051 ngày 6 tháng 7 năm 2007
Đăng ký Doanh nghiệp số 0102314051 ngày 29 tháng 4 năm 2022

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0102314051 ngày 29 tháng 4 năm 2022. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Lâm Du An	Chủ tịch
Ông Đoàn Tiến Dũng	Thành viên (từ ngày 20 tháng 12 năm 2022)
Ông Lê Xuân Sơn	Thành viên (từ ngày 22 tháng 4 năm 2022 đến ngày 19 tháng 12 năm 2022)
Ông Trương Hùng Dũng	Thành viên (đến ngày 22 tháng 4 năm 2022)
Ông Đinh Văn Thuận	Thành viên
Ông Văn Thảo Nguyên	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Bích Hà	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Lê Thị Hiền	Trưởng ban
Ông Nguyễn Hoàng Hiệp	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Nga	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Lê Viết Quý	Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Biên	Phó Giám đốc
Ông Lê Thanh Tùng	Phó Giám đốc (đến ngày 31 tháng 3 năm 2022)
Bà Bùi Thị Thanh Ngọc	Kế toán trưởng

Trụ sở đăng ký

Lô A2 CN8, Cụm Công nghiệp Từ Liêm
Phường Phương Canh
Quận Nam Từ Liêm
Thành phố Hà Nội
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 33 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.



Thay mặt Ban Giám đốc

Lê Việt Quý
Giám đốc

Thành phố Hà Nội, ngày 8 tháng 3 năm 2023



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 8 tháng 3 năm 2023, được trình bày từ trang 5 đến trang 33.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 22-01-00375-23-2



Nelson Rodriguez Casihan
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2225-2023-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Chang Hung Chun
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0863-2023-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 8 tháng 3 năm 2023



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		405.470.964.263 ✓	281.136.926.576 ↓
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	10.650.553.386 ✓	194.117.641.058 ✓
Tiền	111		10.650.553.386	6.617.641.058
Các khoản tương đương tiền	112		-	187.500.000.000 ✓
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		305.800.000.000	24.500.000.000 ✓
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6(a)	305.800.000.000	24.500.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		28.068.303.850 ✓	15.862.227.714 ↓
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	22.952.182.759 ✓	14.294.197.613 ✓
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		490.237.845 ✓	965.226.046 ✓
Phải thu ngắn hạn khác	136		4.625.883.246 ✓	602.804.055 ✓
Hàng tồn kho	140	8	59.319.752.243 ✓	46.373.722.274
Hàng tồn kho	141		69.370.939.671 ✓	57.079.879.755 ✓
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(10.051.187.428) ✓	(10.706.157.481) ✓
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.632.354.784	283.335.530
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.164.651.987 ✓	283.335.530 ✓
Thuế phải thu Nhà nước	153		467.702.797 ✓	-
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 250 + 260)	200		89.159.376.708 ✓	113.479.965.493 ✓
Các khoản phải thu dài hạn	210		10.000.000	10.000.000
Phải thu dài hạn khác	216		10.000.000 ✓	10.000.000 ✓
Tài sản cố định	220		84.141.360.722 ✓	99.168.289.170 ✓
Tài sản cố định hữu hình	221	9	84.007.190.699 ✓	98.680.138.611 ↓
Nguyên giá	222		704.817.646.793 ✓	704.592.646.793 ✓
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(620.810.456.094) ✓	(605.912.508.182) ✓
Tài sản cố định vô hình	227	10	134.170.023 ✓	488.150.559 ↓
Nguyên giá	228		1.411.941.589 ↓	1.411.941.589 ✓
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.277.771.566) ✓	(923.791.030) ✓
Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	7.300.000.000 ✓
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	6(b)	-	7.300.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		5.008.015.986 ✓	7.001.676.323 ✓
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	2.952.504.683 ✓	4.816.591.626 ✓
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		2.055.511.303 ✓	2.185.084.697 ✓
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		494.630.340.971 ✓	394.616.892.069 ✓

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		199.642.889.987 ✓	98.892.154.120 ✓
Nợ ngắn hạn	310		199.416.520.903 ✓	98.672.888.123 ✓
Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	10.109.752.752 ✓	9.843.802.805 ✓
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		434.282.750 ✓	2.108.744.653 ✓
Thuế phải nộp Nhà nước	313	13	64.680.135.100 ✓	68.838.215.439 ✓
Phải trả người lao động	314		4.266.171.362 ✓	6.555.378.025 ✓
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		1.813.182.388 ✓	2.058.502.830 ✓
Phải trả ngắn hạn khác	319	14	5.812.545.995 ✓	5.416.428.430 ✓
Vay ngắn hạn	320	15	107.991.732.877 ✓	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	16	4.308.717.679 ✓	3.851.815.941 ✓
Nợ dài hạn	330		226.369.084	219.265.997
Dự phòng phải trả dài hạn	342		226.369.084 ✓	219.265.997 ✓
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		294.987.450.984 ✓	295.724.737.949 ✓
Vốn chủ sở hữu	410	17	294.987.450.984	295.724.737.949
Vốn cổ phần	411	18	180.000.000.000 ✓	180.000.000.000 ✓
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		180.000.000.000 ✓	180.000.000.000 ✓
Vốn khác của chủ sở hữu	414		6.157.486.522 ✓	6.157.486.522 ✓
Quỹ đầu tư phát triển	418	20	33.968.770.588 ✓	33.968.770.588 ✓
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		74.861.193.874 ✓	75.598.480.839 ✓
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		39.680.066.818 ✓	25.055.934.950 ✓
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		35.181.127.056 ✓	50.542.545.889 ✓
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		494.630.340.971 ✓	394.616.892.069 ✓

Ngày 8 tháng 3 năm 2023

Người lập:

Người duyệt:



Bùi Thị Thanh Ngọc
Kế toán trưởng



Lê Viết Quý
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2022 VND	2021 VND
Doanh thu bán hàng	01	22	628.594.634.114 ✓	564.299.991.169 ✓
Giá vốn hàng bán	11	23	551.631.824.151 ✓	482.775.945.572 ✓
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		76.962.809.963 ✓	81.524.045.597 ✓
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	11.365.886.090 ✓	7.117.943.139 ✓
Chi phí tài chính	22		1.636.865.667	1.017.529.654 ✓
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		1.591.972.720	1.005.810.285 ✓
Chi phí bán hàng	25	25	3.488.026.230	3.265.564.923 ✓
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	16.305.531.269	17.756.351.979 ✓
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		66.898.272.887 ✓	66.602.542.180 ✓
Thu nhập khác	31		5.546.628.617 ✓	3.870.964.707 ✓
Chi phí khác	32		611.701.593 ✓	1.593.451.474 ✓
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		4.934.927.024 ✓	2.277.513.233 ✓
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		71.833.199.911 ✓	68.880.055.413 ✓
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	14.118.171.038 ✓	14.310.454.142 ✓
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	28	129.573.394 ✓	176.055.382 ✓
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		57.585.455.479 ✓	54.393.545.889 ✓
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	2.960	2.808

Ngày 8 tháng 3 năm 2023

Người lập:



Bùi Thị Thanh Ngọc
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Lê Viết Quý
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	2022 VND	2021 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	71.833.199.911 ✓	68.880.055.413 ✓
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	15.251.928.448	24.256.826.634
Các khoản dự phòng	03	(647.866.966)	(880.276.916)
Thu nhập lãi tiền gửi	05	(11.267.606.827)	(7.099.597.434)
Chi phí lãi vay	06	1.591.972.720	1.005.810.285
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	76.761.627.286 ✓	86.162.817.982 ✓
Biến động các khoản phải thu	09	(8.728.963.864)	5.757.858.836
Biến động hàng tồn kho	10	(12.291.059.916)	13.648.461.989
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(7.795.257.956)	(2.644.394.985)
Biến động chi phí trả trước	12	982.770.486	4.854.621.006
		48.929.116.036 ✓	107.779.364.828 ✓
Tiền lãi vay đã trả	14	(1.456.927.796)	(1.035.623.921)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(14.340.611.526)	(11.574.373.592)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(3.769.414.021)	(4.325.520.694)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	29.362.162.693 ✓	90.843.846.621 ✓
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định	21	(225.000.000)	(5.943.418.477)
Tiền chi gửi tiền gửi có kỳ hạn	23	(522.300.000.000)	(82.500.000.000)
Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn	24	248.300.000.000	50.700.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi	27	7.322.791.758	6.912.234.141
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(266.902.208.242) ✓	(30.831.184.336) ✓

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	2022 VND	2021 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	474.088.126.924 ✓	568.554.915.229 ✓
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(366.096.394.047) ✓	(624.359.925.930) ✓
Tiền chi trả cổ tức	36	(53.918.775.000) ✓	(27.000.000.000) ✓
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	54.072.957.877 ✓	(82.805.010.701) ✓
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(183.467.087.672) ✓	(22.792.348.416) ✓
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	194.117.641.058	216.909.989.474
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70 5	10.650.553.386	194.117.641.058

Ngày 8 tháng 3 năm 2023

Người lập:



Bùi Thị Thanh Ngọc
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Lê Viết Quý
Giám đốc

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Ngày 27 tháng 6 năm 2018, cổ phiếu của Công ty được chính thức giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, theo Quyết định số 374/QĐ-SGDHN ngày 27 tháng 6 năm 2018 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, với mã chứng khoán là BSH.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh bia, rượu và nước giải khát; xuất, nhập khẩu bia, rượu, nước giải khát và các loại hương liệu, nước cốt để sản xuất bia rượu, nước giải khát.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có 155 nhân viên (1/1/2022: 163 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và được ghi nhận theo giá gốc.

(d) Các khoản phải thu

Khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	2 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	7 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 15 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(h) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Bao bì luân chuyển

Bao bì luân chuyển bao gồm chai, két sử dụng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Bao bì luân chuyển được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 2 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(i) Phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(j) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(k) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(l) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(m) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(n) Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê trong suốt thời hạn thuê.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(o) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(p) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản (“EPS”) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

(q) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(r) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.

(s) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

4. Báo cáo bộ phận

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia. Hoạt động khác là kinh doanh rượu và nước giải khát. Trong năm, hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong kết quả hoạt động của Công ty, theo đó, thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 1 tháng 1 năm 2022 và doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 30 tháng 12 năm 2021 chủ yếu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty.

(b) Bộ phận chia theo khu vực địa lý

Bộ phận chia theo khu vực địa lý của Công ty dựa trên vị trí địa lý của khách hàng, bao gồm khách hàng trong nước và khách hàng nước ngoài, trong đó doanh thu xuất khẩu chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu của Công ty và không phải là một bộ phận trọng yếu cần báo cáo riêng. Do đó, thông tin tài chính được báo cáo chủ yếu phản ánh hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong lãnh thổ Việt Nam.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2022	1/1/2022
	VND	VND
Tiền mặt	71.546.053 ✓	143.724.651 ✓
Tiền gửi ngân hàng	10.579.007.333 ✓	6.473.916.407 ✓
Các khoản tương đương tiền	-	187.500.000.000 ✓
	<hr/>	<hr/>
	10.650.553.386 ✓	194.117.641.058 ✓

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với kỳ hạn gốc không quá ba tháng và hưởng lãi suất từ 3,2% đến 5,0% một năm trong năm (1/1/2022: từ 3,2% đến 3,5% một năm).

6. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn trên ba tháng kể từ ngày gửi nhưng dưới mười hai tháng kể từ ngày báo cáo. Tiền gửi có kỳ hạn được gửi bằng VND và hưởng lãi suất từ 4,5% đến 8,2% một năm (1/1/2022: 3,9% một năm).



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn trên mười hai tháng kể từ ngày báo cáo. Tiền gửi có kỳ hạn được gửi bằng VND và hưởng lãi suất là 5,2% một năm (1/1/2022: 5,2% một năm). Trong năm, Công ty đã phân loại lại các khoản tiền gửi có kỳ hạn này sang đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn.

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn**

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	22.630.382.287 ✓	13.738.467.546 ✓
Các khách hàng khác	321.800.472	555.730.067 ✓
	22.952.182.759 ✓	14.294.197.613 ✓

(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	22.630.382.287 ✓	13.738.467.546 ✓
Bên liên quan khác		
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn	321.800.472 ✓	365.913.240 ✓

Khoản phải thu thương mại từ công ty mẹ và bên liên quan khác không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi yêu cầu.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

8. Hàng tồn kho

	31/12/2022		1/1/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	556.426.376 ✓	-
Nguyên vật liệu	25.721.406.735 ✓	-	19.182.132.972 ✓	-
Công cụ và dụng cụ	17.415.678.254 ✓	(10.051.187.428) ✓	15.321.124.837 ✓	(10.706.157.481) ✓
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	18.595.513.166 ✓	-	15.294.498.153 ✓	-
Thành phẩm	7.631.912.420 ✓	-	6.719.268.321 ✓	-
Hàng hóa	6.429.096 ✓	-	6.429.096 ✓	-
	<hr/>		<hr/>	
	69.370.939.671 ✓	(10.051.187.428)	57.079.879.755 ✓	(10.706.157.481) ✓

Biến động của dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	10.706.157.481	11.602.684.144
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(654.970.053)	(896.526.663)
	<hr/>	
Số dư cuối năm	10.051.187.428	10.706.157.481 ✓

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

9. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	58.127.038.224	633.098.369.475	7.907.289.410	5.459.949.684	704.592.646.793
Tăng trong năm	-	225.000.000	-	-	225.000.000
Số dư cuối năm	58.127.038.224	633.323.369.475	7.907.289.410	5.459.949.684	704.817.646.793
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	27.742.911.925	568.197.585.321	6.021.493.915	3.950.517.021	605.912.508.182
Khấu hao trong năm	2.539.047.900	10.988.440.127	467.305.824	903.154.061	14.897.947.912
Số dư cuối năm	30.281.959.825	579.186.025.448	6.488.799.739	4.853.671.082	620.810.456.094
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	30.384.126.299	64.900.784.154	1.885.795.495	1.509.432.663	98.680.138.611
Số dư cuối năm	27.845.078.399	54.137.344.027	1.418.489.671	606.278.602	84.007.190.699

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 có các tài sản cố nguyên giá 531.163 triệu VND (1/1/2022: 530.315 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***10. Tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm và cuối năm	1.411.941.589 ✓
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	923.791.030 ✓
Khấu hao trong năm	353.980.536 ✓
Số dư cuối năm	1.277.771.566 ✓
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	488.150.559 ✓
Số dư cuối năm	134.170.023 ✓

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 có các tài sản cố nguyên giá 350 triệu VND (1/1/2022: 350 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

11. Chi phí trả trước dài hạn

	Bao bì luân chuyển VND	Công cụ và dụng cụ VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	3.222.175.000 ✓	1.594.416.626 ✓	4.816.591.626 ✓
Tăng trong năm	-	3.053.977.000 ✓	3.053.977.000 ✓
Phân bổ trong năm	(3.222.175.000) ✓	(1.695.888.943) ✓	(4.918.063.943) ✓
Số dư cuối năm	-	2.952.504.683 ✓	2.952.504.683 ✓



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***12. Phải trả người bán ngắn hạn****(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn**

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ	
	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	3.894.605.523 ✓	1.546.159.544 ✓
Công ty Cổ phần Đầu tư Năng Lượng Xanh	1.269.779.659 ✓	823.677.556 ✓
Công ty Cổ phần Lương thực Hà Nam Ninh	1.261.710.000 ✓	1.922.892.000 ✓
Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Thái Tân	819.642.305 ✓	1.369.173.262 ✓
Các nhà cung cấp khác	2.864.015.265 ✓	4.181.900.443 ✓
	<hr/>	<hr/>
	10.109.752.752 ✓	9.843.802.805 ✓

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ	
	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	3.894.605.523 ✓	1.546.159.544 ✓
Các bên liên quan khác		
Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh	30.132.000 ✓	62.403.000 ✓
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại Bia Sài Gòn	28.194.276 ✓	105.770.044 ✓
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải trả thương mại cho công ty mẹ và các bên liên quan khác không có đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả trong vòng 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

13. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2022 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Số cán trừ trong năm VND	Phân loại lại VND	31/12/2022 VND
Thuế tiêu thụ đặc biệt	58.578.901.743	✓ 672.786.161.654	✓ (674.880.747.348)	-	-	56.484.316.049
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.705.096.060	✓ 14.118.171.038	✓ (14.340.611.526)	-	-	2.482.655.572
Thuế giá trị gia tăng	7.404.935.474	✓ 128.994.235.127	✓ (84.224.215.487)	✓ (46.461.791.635)	-	5.713.163.479
Thuế thu nhập cá nhân	149.282.162	✓ 1.178.686.827	✓ (1.795.671.786)	-	467.702.797	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	✓ 39.995.790	✓ (39.995.790)	-	-	-
	68.838.215.439	✓ 817.117.250.436	✓ (775.281.241.937)	✓ (46.461.791.635)	✓ 467.702.797	64.680.135.100

14. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Nhận ký quỹ ngắn hạn	5.346.000.000	✓ 5.055.100.000
Phải trả ngắn hạn khác	466.545.995	✓ 361.328.430
	5.812.545.995	✓ 5.416.428.430

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

15. Vay ngắn hạn

	1/1/2022 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong năm		31/12/2022 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Vay ngắn hạn	-	474,088,126,924 ✓	(366,096,394,047) ✓	107,991,732,877 ✓

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Thanh Xuân (i)	VND	6,60% - 7,00%	58.257.450.063 ✓	-
▪ Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam – Chi nhánh Phạm Hùng (ii)	VND	6,22% - 7,00%	49.734.282.814 ✓	-
			107.991.732.877 ✓	-

(i) Khoản vay này có hạn mức tín dụng là 120.000 triệu VND và không có đảm bảo.

(ii) Khoản vay này có hạn mức tín dụng là 50.000 triệu VND và không có đảm bảo.

Công ty đã có các hợp đồng vay vốn với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Mỹ Đình với hạn mức tín dụng là 100.000 triệu VND.

Các khoản vay này không được đảm bảo, chịu lãi suất thả nổi hàng năm của từng ngân hàng tại ngày giải ngân và được dùng để tài trợ cho vốn lưu động của Công ty.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	3.851.815.941 ✓	5.201.215.941 ✓
Phân bổ trong năm (Thuyết minh 17)	4.307.901.738 ✓	3.851.000.000 ✓
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 17)	(81.585.979) ✓	(874.879.306) ✓
Sử dụng trong năm	(3.769.414.021) ✓	(4.325.520.694) ✓
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	4.308.717.679 ✓	3.851.815.941 ✓



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

17. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	180.000.000.000	6.157.486.522	33.968.770.588	51.181.055.644	271.307.312.754
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	54.393.545.889	54.393.545.889
Cổ tức (Thuyết minh 19)	-	-	-	(27.000.000.000)	(27.000.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 16)	-	-	-	(3.851.000.000)	(3.851.000.000)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 16)	-	-	-	874.879.306	874.879.306
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	180.000.000.000	6.157.486.522	33.968.770.588	75.598.480.839	295.724.737.949
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	57.585.455.479	57.585.455.479
Cổ tức (Thuyết minh 19)	-	-	-	(54.000.000.000)	(54.000.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 16)	-	-	-	(4.307.901.738)	(4.307.901.738)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 16)	-	-	-	81.585.979	81.585.979
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	-	(96.426.685)	(96.426.685)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	180.000.000.000	6.157.486.522	33.968.770.588	74.861.193.874	294.987.450.984

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

18. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2022 và 1/1/2022	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt		
Cổ phiếu phổ thông	18.000.000	180.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	18.000.000	180.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức như đã được công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Không có biến động vốn cổ phần trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021.

19. Cổ tức

Tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên của Công ty ngày 22 tháng 4 năm 2022 đã thông qua việc chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2021 cho cổ đông là 36.000 triệu VND, tương đương 2.000 VND/cổ phiếu và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 91/2022/NQ-HDQT ngày 22 tháng 9 năm 2022 đã thông qua việc tạm ứng cổ tức cho cổ đông là 18.000 triệu VND, tương đương 1.000 VND/cổ phiếu (2021: 27.000 triệu VND, tương đương 1.500 VND/cổ phiếu, từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2020).

20. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán****(a) Cam kết thuê**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Trong vòng một năm	4.024.621.964 ✓	4.015.125.780 ✓
Từ hai đến năm năm	16.098.487.856 ✓	16.060.503.120 ✓
Sau năm năm	117.049.422.120 ✓	120.788.367.215 ✓
	<hr/> 137.172.531.940 ✓	<hr/> 140.863.996.115 ✓

(b) Ngoại tệ

	31/12/2022		1/1/2022	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	100	2.413.428 ✓	130.915	2.978.267.053 ✓
EUR	95	2.533.766 ✓	105	2.818.949 ✓
		<hr/> 4.947.194 ✓		<hr/> 2.981.086.002 ✓

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Đã được duyệt nhưng chưa kết hợp đồng	3.291.000.000 ✓	661.000.000 ✓
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

22. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

	2022 VND	2021 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	624.261.293.205 ✓	560.421.546.288 ✓
▪ Doanh thu khác	4.333.340.909 ✓	3.878.444.881 ✓
	<hr/> 628.594.634.114 ✓	<hr/> 564.299.991.169 ✓

23. Giá vốn hàng bán

	2022 VND	2021 VND
Tổng giá vốn hàng bán		
▪ Thành phẩm đã bán	553.635.080.085 ✓	483.148.599.694 ✓
▪ Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(654.970.053) ✓	(896.526.663) ✓
▪ Điều chỉnh chi phí nhân viên năm trước	(1.797.413.630) ✓	-
▪ Giá vốn khác	449.127.749 ✓	523.872.541 ✓
	<hr/> 551.631.824.151 ✓	<hr/> 482.775.945.572 ✓

24. Doanh thu hoạt động tài chính

	2022 VND	2021 VND
Lãi tiền gửi	11.267.606.827 ✓	7.099.597.434 ✓
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	98.279.263 ✓	18.345.705 ✓
	<hr/> 11.365.886.090 ✓	<hr/> 7.117.943.139 ✓



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

25. Chi phí bán hàng

	2022 VND	2021 VND
Chi phí nhân viên	471.835.476	866.882.260 ✓
Chi phí công cụ, dụng cụ	731.176.258	274.124.399 ✓
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.044.824.683	1.958.623.880 ✓
Chi phí bán hàng khác	240.189.813	165.934.384 ✓
	3.488.026.230 ✓	3.265.564.923 ✓

26. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2022 VND	2021 VND
Chi phí nhân viên	9.158.206.095 ✓	10.138.856.608 ✓
Chi phí vật liệu văn phòng	746.848.892 ✓	1.250.194.905 ✓
Chi phí khấu hao và phân bổ	315.744.624 ✓	347.374.990 ✓
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.071.739.502 ✓	3.865.909.562 ✓
Chi phí quản lý khác	2.012.992.156 ✓	2.154.015.914 ✓
	16.305.531.269 ✓	17.756.351.979 ✓

27. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2022 VND	2021 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	500.352.252.372 ✓	421.528.555.866 ✓
Chi phí khấu hao và phân bổ	15.251.928.448 ✓	24.256.826.634 ✓
Chi phí nhân viên	36.112.523.270 ✓	37.689.570.315 ✓
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.266.371.442 ✓	14.444.163.999 ✓
Chi phí khác	3.442.306.118 ✓	5.878.745.660 ✓

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

28. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2022 VND	2021 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Năm hiện hành	14.082.655.572 ✓	14.179.886.773 ✓
Dự phòng thiếu trong những năm trước	35.515.466 ✓	130.567.369 ✓
	14.118.171.038 ✓	14.310.454.142 ✓
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệnh tạm thời	129.573.394 ✓	176.055.382 ✓
	14.247.744.432 ✓	14.486.509.524 ✓

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2022 VND	2021 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	71.833.199.911 ✓	68.880.055.413 ✓
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	14.366.639.982 ✓	13.776.011.083 ✓
Chi phí không được khấu trừ thuế	331.689.848 ✓	579.931.072 ✓
Sử dụng tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây	(486.100.864) ✓	-
Dự phòng thiếu trong những năm trước	35.515.466 ✓	130.567.369 ✓
	14.247.744.432	14.486.509.524 ✓

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

29. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số trích vào quỹ khen thưởng, phúc lợi và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2022 VND	2021 VND
Lợi nhuận thuần trong năm	57.585.455.479 ✓	54.393.545.889 ✓
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(4.307.901.738) ✓	(3.851.000.000) ✓
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	53.277.553.741 ✓	50.542.545.889 ✓

(*) Số trích vào quỹ khen thưởng, phúc lợi được ước tính dựa vào số được phê duyệt bởi các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên của Công ty.

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

Không có biến động số lượng cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021. Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho cả hai năm báo cáo là 18.000.000 cổ phiếu.

30. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	2022 VND	2021 VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn		
Bán thành phẩm (bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	1.230.382.352.600 ✓	1.075.395.166.830 ✓
Cung cấp dịch vụ	-	207.836.157 ✓
Mua nguyên vật liệu	426.646.053.112 ✓	327.986.333.549 ✓
Trả nguyên vật liệu	3.193.628.699 ✓	-
Cổ tức đã trả	28.140.000.000 ✓	14.070.000.000 ✓



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2022 VND	2021 VND
Các bên liên quan khác		
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn		
Bán bao bì luân chuyển	4.235.463.400 ✓	-
Cung cấp dịch vụ	718.653.506 ✓	-
Mua dịch vụ	710.104.422 ✓	370.154.585 ✓
Mua bao bì luân chuyển	2.806.300.000 ✓	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh		
Mua hàng hóa	554.280.000 ✓	459.730.000 ✓
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây		
Cổ tức đã trả	2.700.054.000 ✓	1.350.027.000 ✓
Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây		
Mua hàng hóa	56.724.000 ✓	-
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Bắc		
Mua hàng hóa	822.281.450 ✓	808.364.180 ✓
Công ty TNHH Một Thành Viên Cơ khí Sa Be Co		
Mua dịch vụ	1.654.400.000 ✓	97.480.000 ✓
Mua hàng hóa	769.950.000 ✓	11.382.076 ✓
Thành viên Hội đồng Quản trị		
<i>Thù lao</i>		
Ông Lâm Du An – Chủ tịch	130.000.000 ✓	130.000.000 ✓
Ông Đoàn Tiến Dũng – Thành viên (từ ngày 20 tháng 12 năm 2022)	3.190.000 ✓	-
Ông Lê Xuân Sơn – Thành viên (từ ngày 22 tháng 4 năm 2022 đến ngày 19 tháng 12 năm 2022)	59.810.000 ✓	-
Ông Trương Hùng Dũng – Thành viên (đến ngày 22 tháng 4 năm 2022)	21.000.000 ✓	91.000.000 ✓
Ông Đinh Văn Thuận – Thành viên	91.000.000 ✓	91.000.000 ✓
Ông Văn Thảo Nguyên – Thành viên	91.000.000 ✓	91.000.000 ✓
Bà Nguyễn Thị Bích Hà – Thành viên (từ ngày 31 tháng 3 năm 2021)	91.000.000 ✓	70.000.000 ✓
Ông Nguyễn Hữu Lộc – Thành viên (đến ngày 30 tháng 3 năm 2021)	-	21.000.000 ✓

042-
 NHÁ
 TY T
 M
 HỒ C

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2022 VND	2021 VND
Ban Giám đốc		
Lương, thưởng và các phúc lợi khác	2.361.830.782 ✓	3.691.583.111 ✓
Ban Kiểm soát		
<i>Thù lao</i>		
Bà Lê Thị Hiền – Trưởng ban (từ ngày 31 tháng 3 năm 2021)	392.989.384 ✓	260.000.000 ✓
Ông Đặng Thái Bình – Trưởng ban (đến ngày 30 tháng 3 năm 2021)	-	54.384.615 ✓
Ông Nguyễn Hoàng Hiệp – Thành viên (từ ngày 31 tháng 3 năm 2021)	52.000.000 ✓	40.000.000 ✓
Bà Nguyễn Thị Nga – Thành viên	52.000.000	52.000.000 ✓
Bà Nguyễn Thị Bích Hà – Thành viên (đến ngày 30 tháng 3 năm 2021)	-	12.000.000 ✓

31. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

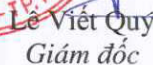
Ngày 8 tháng 3 năm 2023

Người lập:

Người duyệt:



Bùi Thị Thanh Ngọc
Kế toán trưởng



Lê Việt Quý
Giám đốc



**CÔNG TY CỔ PHẦN
BIA SÀI GÒN – HÀ NỘI**
Saigon – Hanoi Beer Corporation

Số: 39/BSGHN
(Giải trình BCTC năm 2022 đã được kiểm toán/
Explanation of audited financial statements
Q4/2022)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Thành phố Hà Nội, ngày 14 tháng 03 năm 2023
Hanoi, March 14, 2023

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà Nước
- Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hà Nội

To: - State Securities Commission
- Hanoi Stock Exchange

Tên tổ chức/ Name of Organization : Công ty cổ phần bia Sài Gòn – Hà Nội/ Saigon – Hanoi Beer Corporation

Mã chứng khoán/ Stock code: BSH

Địa chỉ/ Address: A2 CN8 cụm CN Từ Liêm – Phường Phương Canh – Quận Nam Từ Liêm – Hà Nội/ A2CN8 - Tu Liem industrial cluster – Phuong Canh ward – Nam Tu Liem district – Hanoi

Căn cứ thông tư 96/2020/TT-BTC của Bộ tài chính về việc công bố thông tin, Công ty cổ phần bia Sài Gòn – Hà Nội giải trình báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán cụ thể như sau:

Pursuant to Circular 96/2020/TT-BTC of the Ministry of Finance on information disclosure, Saigon - Hanoi Beer Corporation explains admitted financial statements of 2022 as follows:

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh/ Business performance report:

KHOẢN MỤC/ ITEM	12 tháng / For the 12 month period ended 31 December		Tăng/Increase Giảm/Decrease	Tỷ lệ/ Percent
	2022	2021		
A	1	2	3=(1-2)	4=(3/2)
1. Doanh thu bán hàng và CC dịch vụ/ Sales and Service Revenue	628.594.634.114	564.299.991.169	64.294.642.945	11%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu/ Deductions from revenue				
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ/ Net revenue from sales of goods and service provision	628.594.634.114	564.299.991.169	64.294.642.945	11%
4. Giá vốn hàng bán/ Cost of goods sold	551.631.824.151	482.775.945.572	68.855.878.579	14%
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ/ Gross profit on sales and service provision	76.962.809.963	81.524.045.597	(4.561.235.634)	-6%
6. Doanh thu hoạt động tài chính/ Financial income	11.365.886.090	7.117.943.139	4.247.942.951	60%



7. Chi phí tài chính/ <i>Financial expenses</i>	1.636.865.667	1.017.529.654	619.336.013	61%
8. Chi phí bán hàng/ <i>Selling expenses</i>	3.488.026.230	3.265.564.923	222.461.307	7%
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp/ <i>Enterprise Cost Management</i>	16.305.531.269	17.756.351.979	(1.450.820.710)	-8%
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh/ <i>Net profit from operating activities</i>	66.898.272.887	66.602.542.180	295.730.707	0,4%
11. Thu nhập khác/ <i>Other income</i>	5.546.628.617	3.870.964.707	1.675.663.910	43%
12. Chi phí khác/ <i>Other costs</i>	611.701.593	1.593.451.474	(981.749.881)	-62%
13. Lợi nhuận khác/ <i>Other profits</i>	4.934.927.024	2.277.513.233	2.657.413.791	117%
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế/ <i>Total accounting profit before tax</i>	71.833.199.911	68.880.055.413	2.953.144.498	4%
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành/ <i>Current CIT expenses</i>	14.118.171.038	14.310.454.142	(192.283.104)	-1%
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại/ <i>Deferred corporate income tax expense</i>	129.573.394	176.055.382	(46.481.988)	-26%
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp/ <i>Profit after corporate income tax</i>	57.585.455.479	54.393.545.889	3.191.909.590	6%

Giải trình/ *Explanation:*

Doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế năm 2022 cao hơn năm 2021 do việc mở cửa trở lại của thị trường sau thời gian đóng cửa nên doanh thu bán hàng cao hơn so với năm 2021. Bên cạnh đó, doanh thu tài chính tăng./ *Net revenue and profit after tax was higher than in 2021 due to the reopening of the market after the closure, so revenue from sales of goods increased higher than 2021. Besides, financial income increased.*

Trên đây là giải trình của Công ty cổ phần bia Sài Gòn – Hà Nội báo cáo Ủy ban chứng khoán nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hà Nội về sự thay đổi các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán của Công ty./ *The above is the explanation of Saigon - Hanoi Beer Corporation reporting to the State Securities Commission and the Hanoi Stock Exchange on the change in the indicators on the audited financial statements of the year 2022 of the Company.*

Trân trọng ./Regard./.



Lê Viết Quý